

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quốc Định	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Trần Thị Đào	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Võ Hữu Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phan Hoàng Minh Trí	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Kiên Phương	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Huỳnh Văn Nhung	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Quý Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Thị Đào	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Định	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Nhung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Hoàng Minh Trí	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Quốc Định
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

Số: 340 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 17 tháng 3 năm 2014, từ trang 4 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.


BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2013 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Kiểm toán viên cũng kiểm toán các bút toán điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh số 3 được áp dụng để trình bày lại báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Theo ý kiến của chúng tôi, các bút toán điều chỉnh này là hợp lý và được áp dụng phù hợp.




Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 17 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1503-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	
			31/12/2013	(Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		560.035.978.919	580.868.923.717
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	192.255.383.511	122.127.216.023
1. Tiền	111		75.255.383.511	23.390.216.023
2. Các khoản tương đương tiền	112		117.000.000.000	98.737.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.825.975.260	6.852.998.250
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	6.600.735.680	13.420.376.920
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	8	(3.774.760.420)	(6.567.378.670)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		155.159.684.279	202.182.979.853
1. Phải thu khách hàng	131		165.773.936.997	197.655.839.401
2. Trả trước cho người bán	132		3.357.942.351	9.285.259.237
3. Các khoản phải thu khác	135		1.447.264.084	6.093.036.141
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(15.419.459.153)	(10.851.154.926)
IV. Hàng tồn kho	140	9	199.704.966.193	241.721.759.697
1. Hàng tồn kho	141		200.020.643.727	244.948.587.441
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(315.677.534)	(3.226.827.744)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.089.969.676	7.983.969.894
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.750.933.712	1.825.602
2. Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.271.538.103	3.350.355.962
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		170.876.528	85.394.087
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.896.621.333	4.546.394.243
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		309.804.425.798	314.257.580.041
I. Tài sản cố định	220		258.489.435.840	269.737.803.586
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	189.299.401.538	187.215.988.078
- Nguyên giá	222		367.457.688.691	332.996.993.286
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(178.158.287.153)	(145.781.005.208)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	67.137.349.360	60.770.066.914
- Nguyên giá	228		73.791.971.132	64.057.943.259
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.654.621.772)	(3.287.876.345)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	2.052.684.942	21.751.748.594
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		34.251.674.700	29.928.534.700
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	25.584.006.700	25.044.006.700
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	8.849.668.000	8.874.528.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	15	(182.000.000)	(3.990.000.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		17.063.315.258	14.591.241.755
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	16.919.261.258	14.591.241.755
2. Tài sản dài hạn khác	268		144.054.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		869.840.404.717	895.126.503.758

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
			(Trình bày lại)	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		143.987.007.224	180.943.649.746
I. Nợ ngắn hạn	310		119.682.930.224	168.266.649.746
1. Phải trả người bán	312		61.086.041.318	97.914.090.515
2. Người mua trả tiền trước	313		2.703.082.828	9.764.881.040
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	16.857.919.032	6.451.015.585
4. Phải trả người lao động	315		15.020.347.691	19.334.808.601
5. Chi phí phải trả	316	18	20.026.483.055	28.957.870.223
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		998.128.171	2.730.634.894
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.990.928.129	3.113.348.888
II. Nợ dài hạn	330		24.304.077.000	12.677.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	333	19	5.097.000.000	1.177.000.000
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	20	19.207.077.000	11.500.000.000
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		725.853.397.493	714.182.854.012
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	725.853.397.493	714.182.854.012
1. Vốn cổ phần	411		167.058.100.000	167.058.100.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		315.192.059.609	315.192.059.609
3. Cổ phiếu quỹ	414		(11.838.266.000)	(11.838.266.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		196.596.495.300	166.419.364.850
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		16.705.810.000	15.214.500.000
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.420.789.142	2.420.789.142
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		39.718.409.442	59.716.306.411
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		869.840.404.717	895.126.503.758

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013	31/12/2012
1. Nợ khó đòi đã xử lý	30.975.000	541.266.689
2. Ngoại tệ các loại (USD)	1.332.909,22	467.220,03

Trần Hoài Hạnh
Người lập biểu

Phan Hoàng Minh Trí
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Định
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2013	2012
1. Doanh thu	01	23	852.756.264.942	819.691.306.544
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	11.439.849.857	1.569.595.135
3. Doanh thu thuần (10 = 01-02)	10		841.316.415.085	818.121.711.409
4. Giá vốn	11	24	451.468.196.347	440.517.319.493
5. Lợi nhuận gộp (20 = 10-11)	20		389.848.218.738	377.604.391.916
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	6.206.625.811	11.726.523.632
7. Chi phí tài chính	22	27	7.723.523.563	7.549.624.965
8. Chi phí bán hàng	24		227.616.788.489	215.485.271.431
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		62.689.510.437	61.196.864.880
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		98.025.022.060	105.099.154.272
11. Thu nhập khác	31		4.148.564.879	2.649.214.060
12. Chi phí khác	32		6.616.390.761	4.113.068.026
13. Lỗ khác (40=31-32)	40	28	(2.467.825.882)	(1.463.853.966)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		95.557.196.178	103.635.300.306
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	34.932.976.736	26.021.593.895
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		60.624.219.442	77.613.706.411
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3.695	5.016

Trần Hoài Hạnh
Người lập biểu

Phan Hoàng Minh Trí
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Định
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN

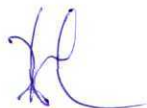
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	
		2013	(Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>95.557.196.178</i>	<i>103.635.300.306</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	36.896.662.852	32.802.613.766
Các khoản dự phòng	03	(4.943.464.233)	6.081.131.100
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(50.746.885)	(530.785.550)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.519.612.520)	(9.478.266.414)
Chi phí lãi vay	06	-	529.808.379
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>125.940.035.392</i>	<i>133.039.801.587</i>
Thay đổi các khoản phải thu	09	42.956.828.744	(10.391.518.050)
Thay đổi hàng tồn kho	10	44.927.943.714	46.166.216.874
Thay đổi các khoản phải trả	11	(49.677.059.742)	(6.319.455.739)
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.176.842.033	267.517.476
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(529.808.379)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(24.466.729.513)	(37.635.913.948)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.000.225.000	300.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(16.817.871.699)	(8.565.912.999)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>128.040.213.929</i>	<i>116.330.926.822</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(36.344.914.456)	(75.021.553.566)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	2.209.772.727	547.338.433
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.350.000.000	389.520.750
4. Tiền chi đầu tư dài hạn	25	(540.000.000)	(5.828.800.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	2.377.639.758	1.050.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.882.199.483	9.356.602.338
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>(25.065.302.488)</i>	<i>(69.506.892.045)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(9.628.460.000)
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(3.500.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.811.620.000)	(51.855.115.710)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(32.811.620.000)</i>	<i>(64.983.575.710)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	70.163.291.442	(18.159.540.933)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	122.127.216.023	140.281.015.336
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(35.123.954)	5.741.620
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	192.255.383.511	122.127.216.023
(70=50+60+61)			

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm 1.131.593.935 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 395.693.440 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Trần Hoài Hạnh
Người lập biểu



Phan Hoàng Minh Trí
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Định
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2014



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Xí nghiệp Liên hiệp Dược Đồng Tháp được thành lập theo Quyết định số 284/TCCQ ngày 28 tháng 9 năm 1983 của Sở Y tế Đồng Tháp, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400384433 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 8 năm 2001 và các đăng ký thay đổi sau đó với lần đăng ký thay đổi gần nhất vào ngày 06 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 76/UBCK-GPNY vào ngày 04 tháng 12 năm 2006 với mã chứng khoán là IMP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 880 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 853 người).

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất dược phẩm, chế biến dược liệu; bán buôn, xuất nhập khẩu dược phẩm, thiết bị và dụng cụ y tế, hóa chất, nguyên phụ liệu bao bì sản xuất thuốc, các chất diệt khuẩn, khử trùng cho người (trừ danh mục hàng hóa quy định tại Mục A Phần II Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BTM ngày 21 tháng 5 năm 2007 của Bộ Thương Mại); bán buôn mỹ phẩm; nuôi trồng dược liệu; bán buôn thực phẩm, thực phẩm chức năng, các loại nước uống, nước uống có cồn, có gas; sản xuất sữa; hoạt động tài chính; sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm dinh dưỡng; cung cấp các dịch vụ hệ thống kho bảo quản các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc; bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 để chỉnh sửa lại các sai sót được phát hiện trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm trước. Các số liệu so sánh dưới đây đã được điều chỉnh trên bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ để phù hợp với trình bày báo cáo tài chính năm hiện hành:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chỉ tiêu	Mã số	Trình bày	Trình bày lại	Chênh lệch
		năm trước		
		<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bảng cân đối kế toán				
Hàng tồn kho	141	211.432.941.243	244.948.587.441	33.515.646.198
Tài sản cố định hữu hình	221	187.205.647.037	187.215.988.078	10.341.041
Tài sản cố định vô hình	227	60.780.407.955	60.770.066.914	(10.341.041)
Đầu tư vào công ty liên kết	252	23.139.676.700	25.044.006.700	1.904.330.000
Đầu tư dài hạn khác	258	10.778.858.000	8.874.528.000	(1.904.330.000)
Phải trả người bán	312	64.398.444.317	97.914.090.515	33.515.646.198
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Thay đổi hàng tồn kho	10	12.650.570.676	46.166.216.874	33.515.646.198
Thay đổi các khoản phải trả	11	27.196.190.459	(6.319.455.739)	(33.515.646.198)

4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính dài hạn và các khoản ký quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MAU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản nhận ký quỹ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 8

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, bản quyền và các phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Bản quyền và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng hoặc sản xuất phục vụ mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí có liên quan được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư vào công ty liên kết: Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Đầu tư dài hạn khác: Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ hoặc các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là giá trị tiền thuê đất và thuê gian hàng phục vụ cho việc kinh doanh. Tiền thuê đất và gian hàng trả trước được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% từ thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	978.424.005	325.563.493
Tiền gửi ngân hàng	74.276.959.506	23.064.652.530
Các khoản tương đương tiền	117.000.000.000	98.737.000.000
	<u>192.255.383.511</u>	<u>122.127.216.023</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi với kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng bằng đồng Việt Nam với lãi suất từ 6% đến 7%/năm.

7. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cổ phiếu ngắn hạn	6.600.735.680	11.070.376.920
Đầu tư ngắn hạn khác	-	2.350.000.000
	<u>6.600.735.680</u>	<u>13.420.376.920</u>

8. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đơn vị phát hành	<u>31/12/2013</u>		<u>31/12/2012</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
Công ty Dược Hậu Giang	3.199	-	3.199	5.983.000
Công ty Dược Domesco	5.000	147.407.520	29.250	1.397.596.770
Quỹ Đầu tư Chứng khoán VFI	-	-	50.000	1.414.100.000
Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	-	-	11.580	173.196.000
Công ty Cổ phần Bông Bạch Tuyết	10.000	239.465.000	10.000	239.465.000
Công ty Cổ phần Mekophar	50.000	3.387.887.900	50.000	3.337.037.900
		<u>3.774.760.420</u>		<u>6.567.378.670</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	(Trình bày lại) <u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	21.399.349.064	33.515.646.198
Nguyên liệu, vật liệu	97.028.943.635	124.873.197.156
Công cụ, dụng cụ	3.122.759.558	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.025.411.539	14.736.101.074
Thành phẩm	63.444.179.931	70.140.726.979
Hàng hóa	-	1.682.916.034
	<u>200.020.643.727</u>	<u>244.948.587.441</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(315.677.534)</u>	<u>(3.226.827.744)</u>
	<u>199.704.966.193</u>	<u>241.721.759.697</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	111.538.660.509	159.929.225.164	53.144.194.326	7.128.252.591	1.256.660.696	332.996.993.286
Phân loại lại tài sản	4.007.385.029	9.139.355.593	(9.195.166.782)	1.312.471.885	(1.256.660.696)	-
Mua sắm mới	18.896.014.522	7.556.652.805	2.726.623.636	100.831.681	-	14.391.493.151
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	(195.672.728)	2.543.422.146	3.796.084.747	-	-	25.235.521.415
Thanh lý, nhượng bán	(64.534.559)	(226.546.866)	-	(26.827.700)	-	(449.047.294)
Giảm khác (i)	134.181.852.773	(2.354.742.150)	(614.646.658)	(1.683.348.500)	-	(4.717.271.867)
Tại ngày 31/12/2013	46.288.362.150	176.587.366.692	49.857.089.269	6.831.379.957	-	367.457.688.691
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013 (Trình bày lại)	8.412.280.451	78.819.936.609	16.793.684.066	2.625.804.105	1.253.218.278	145.781.005.208
Phân loại lại tài sản	(195.672.728)	118.133.723	(129.245.942)	1.264.330.497	(1.253.218.278)	-
Trích khấu hao trong năm	(64.534.559)	19.972.927.094	6.844.612.221	997.310.534	-	36.227.130.300
Thanh lý, nhượng bán	54.440.435.314	(226.546.866)	-	(26.827.700)	-	(449.047.294)
Giảm khác (i)	79.741.417.459	(1.510.917.725)	(533.499.065)	(1.291.849.712)	-	(3.400.801.061)
Tại ngày 31/12/2013	65.250.298.359	97.173.532.835	22.975.551.280	3.568.767.724	-	178.158.287.153
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	79.741.417.459	79.413.833.857	26.881.537.989	3.262.612.233	-	189.299.401.538
Tại ngày 31/12/2012	65.250.298.359	81.109.288.555	36.350.510.260	4.502.448.486	3.442.418	187.215.988.078

(i) Thể hiện việc kết chuyển những tài sản cố định có nguyên giá dưới 30 triệu đồng nhưng vẫn còn sử dụng nhưng vẫn còn sử dụng sang tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và có hiệu lực từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.
Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 78.260.306.408 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 68.823.002.046 đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Bán quyền VND	Phần mềm, máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	62.616.157.960	-	1.441.785.299	64.057.943.259
Phân loại lại	-	744.712.823	(744.712.823)	-
Mua sắm mới	1.689.977.273	-	-	1.689.977.273
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	11.588.825.600	11.588.825.600
Thanh lý, nhượng bán	(3.544.775.000)	-	-	(3.544.775.000)
Tại ngày 31/12/2013	60.761.360.233	744.712.823	12.285.898.076	73.791.971.132
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013 (Trình bày lại)	2.469.071.215	-	818.805.130	3.287.876.345
Phân loại lại	-	744.712.823	(744.712.823)	-
Trích khấu hao trong năm	533.570.375	-	2.928.885.177	3.462.455.552
Thanh lý, nhượng bán	(95.710.125)	-	-	(95.710.125)
Tại ngày 31/12/2013	2.906.931.465	744.712.823	3.002.977.484	6.654.621.772
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2013	57.854.428.768	-	9.282.920.592	67.137.349.360
Tại ngày 31/12/2012	60.147.086.745	-	622.980.169	60.770.066.914

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trụ sở chính công ty tại Đồng Tháp	-	10.693.083.321
Xưởng cơ điện nhà máy Cepha Bình Dương	-	1.182.727.273
Triển khai phần mềm SAP	-	9.875.938.000
Văn phòng chi nhánh Cần Thơ	1.800.000.000	-
Khác	252.684.942	-
	2.052.684.942	21.751.748.594

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại	Hồ Chí Minh	26.00%	26.00%	Sản xuất và bán buôn dược phẩm
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	An Giang	25.86%	25.86%	Sản xuất và bán buôn dược phẩm
Công ty Cổ phần Dược Spharm	Sóc Trăng	29.48%	29.48%	Sản xuất và bán buôn dược phẩm
Công ty Cổ phần Nghiên cứu Bảo tồn và Phát triển Dược liệu Đồng Tháp Mười	Đồng Tháp	20.00%	20.00%	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển dược liệu

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi tiết số vốn đã đầu tư vào các Công ty liên kết, liên doanh tại ngày kết thúc giai đoạn hoạt động của Công ty như sau:

	Vốn đã góp 31/12/2013 VND	Vốn đã góp 31/12/2012 (Trình bày lại) VND
Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại	182.000.000	182.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	14.393.326.700	14.393.326.700
Công ty Cổ phần Dược Spharm	8.668.680.000	8.668.680.000
Công ty Cổ phần nghiên cứu bảo tồn và phát triển dược liệu Đồng Tháp Mười	2.340.000.000	1.800.000.000
	25.584.006.700	25.044.006.700

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013 VND	31/12/2012 (Trình bày lại) VND
Công ty Dược Tây Ninh	-	24.860.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW25	114.550.000	114.550.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm TW Vidipha	581.428.000	581.428.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV.Pharm	476.000.000	476.000.000
Ngân Hàng Phương Nam	127.690.000	127.690.000
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp	50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Dược - Thiết Bị Y Tế Đà Nẵng	7.500.000.000	7.500.000.000
	8.849.668.000	8.874.528.000

15. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị phát hành	31/12/2013		31/12/2012	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Dược Đà Nẵng	-	-	300.000	3.990.000.000
Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại	-	182.000.000	-	-
		182.000.000		3.990.000.000

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Số đầu năm	14.591.241.755	14.860.584.833
Tăng trong năm	3.937.498.840	-
Phân bổ trong năm	(1.004.254.618)	(269.343.078)
Giảm khác	(605.224.719)	-
Số cuối năm	16.919.261.258	14.591.241.755

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê và không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.070.545.520	859.394.692
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.549.943.359	4.083.696.136
Thuế thu nhập cá nhân	172.564.358	591.223.669
Thuế khác	1.064.865.795	916.701.088
	16.857.919.032	6.451.015.585

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phí bản quyền	6.983.498.725	9.633.840.692
Chi phí bán hàng trích trước	7.468.048.831	17.224.029.531
Chi phí trích trước khác	5.574.935.499	2.100.000.000
	20.026.483.055	28.957.870.223

19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản ký quỹ dài hạn của khách hàng để thực hiện việc mua hàng từ Công ty. Hợp đồng nguyên tắc có hiệu lực cho đến hết ngày thanh lý hợp đồng và tái tục hằng năm nếu như không có bất kỳ thay đổi về điều khoản của hợp đồng. Khoản ký quỹ dài hạn này chịu mức lãi suất là 8%/năm trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	11.500.000.000	-
Tăng quỹ trong năm	10.500.000.000	11.500.000.000
Sử dụng quỹ trong năm	(2.792.923.000)	-
Số dư cuối năm	19.207.077.000	11.500.000.000

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	16.705.810	16.705.810
Số cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	16.705.810	16.705.810
Số cổ phiếu đang lưu hành	16.405.810	16.405.810
Số cổ phiếu quỹ	300.000	300.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Vốn điều lệ thực tế do các cổ đông góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ nắm giữ tại ngày 31/12/2013 và 31/12/2012		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2013 và 31/12/2012
	Cổ phiếu	%	VND
Tổng Công ty Dược Việt Nam	4.582.965	27,43%	45.829.650.000
Balestrand Limited	1.164.446	6,97%	11.644.460.000
Franklin Templeton Investment Funds-Templeton Frontier Markets Fund	1.637.880	9,80%	16.378.800.000
Kwe Beteiligungen AG	1.222.498	7,32%	12.224.980.000
Cổ đông khác	7.798.021	48,48%	77.980.210.000
	16.405.810	100%	164.058.100.000



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt NamBảo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Chi tiết thay đổi về vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2012	152.145.000.000	330.105.159.609	2.420.789.142	(2.209.806.000)	(136.176.902)	14.191.000.000	143.395.558.901	69.106.045.576	709.017.570.326
Tăng vốn trong năm	14.913.100.000	(14.913.100.000)	-	(9.628.460.000)	-	-	-	-	(9.628.460.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	77.613.706.411	77.613.706.411
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(51.855.115.710)	(51.855.115.710)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(35.148.329.866)	(2.424.846.380)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.023.500.000	31.699.983.486	-	(2.424.846.380)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	(8.676.177.537)	-	(8.676.177.537)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	136.176.902	-	-	-	136.176.902
Tại ngày 31/12/2012	167.058.100.000	315.192.059.609	2.420.789.142	(11.838.266.000)	-	15.214.500.000	166.419.364.850	59.716.306.411	714.182.854.012
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	60.624.219.442	60.624.219.442
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(32.811.620.000)	(32.811.620.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.491.310.000	30.177.130.450	(47.810.496.411)	(16.142.055.961)
Tại ngày 31/12/2013	167.058.100.000	315.192.059.609	2.420.789.142	(11.838.266.000)	-	16.705.810.000	196.596.495.300	39.718.409.442	725.853.397.493

Theo Nghị quyết số 16/NQ-IMEX của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm thông qua ngày 17 tháng 5 năm 2013, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận của Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012, cụ thể:

- Trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ là 11.500.000.000 đồng (tạm trích trong năm 2012 là 11.500.000.000 đồng).
- Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi là 10.865.918.897 đồng.
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển là 30.177.130.450 đồng.
- Thù lao Hội đồng Quản trị và thù lao Ban Kiểm soát do hoàn thành kế hoạch lợi nhuận theo khoản 11 điều 25 Điều lệ Công ty là 776.137.064 đồng.
- Trích Quỹ dự phòng tài chính là 1.491.310.000 đồng.
- Chia cổ tức bằng tiền mặt với số tiền là 34.303.210.000 đồng (tạm chia trong năm 2012 là 17.897.400.000 đồng).

Theo Nghị quyết số 31/NQ-HDQT-IMEX của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm ngày 29 tháng 10 năm 2013, Công ty tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng tiền mặt là 10%/cổ phiếu (1000 đồng/cổ phiếu), tương đương 16.405.810.000 đồng và đã hoàn tất thực hiện trong tháng 12 năm 2013.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối quỹ nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và mua bán nguyên vật liệu dùng để chế biến dược phẩm và các loại dược phẩm do Công ty sản xuất ra. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Công ty có được là do xuất bán hàng hóa trong nội địa trong khi tỷ lệ doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và các niên độ kế toán trước. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng		
Doanh thu hàng xuất khẩu	14.486.146.826	8.682.720.621
Doanh thu hàng sản xuất	715.388.922.451	700.301.862.063
Doanh thu hàng nhượng quyền	109.827.477.868	102.852.393.853
Doanh thu hàng ngoại nhập	3.678.246.544	2.162.261.824
Doanh thu hàng mua bán khác	9.375.471.253	5.692.068.183
	<u>852.756.264.942</u>	<u>819.691.306.544</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán trả lại	(5.406.492.798)	(1.569.595.135)
Chiết khấu doanh thu	(6.033.357.059)	
Tổng doanh thu thuần	<u>841.316.415.085</u>	<u>818.121.711.409</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Giá vốn hàng xuất khẩu	6.792.141.424	4.898.185.400
Giá vốn hàng sản xuất	346.072.118.332	348.872.982.423
Giá vốn hàng nhượng quyền	84.329.692.477	79.188.300.656
Giá vốn hàng ngoại nhập	3.183.649.788	2.053.199.664
Giá vốn hàng mua bán khác	11.090.594.326	5.504.651.350
	<u>451.468.196.347</u>	<u>440.517.319.493</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARM

Số 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh

Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	346.324.135.339	327.370.937.729
Chi phí nhân công	110.297.654.493	113.853.956.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.607.673.607	32.802.613.766
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.202.734.539	49.878.297.138
Chi phí khác	156.842.297.295	181.930.267.214
	<u>731.274.495.273</u>	<u>705.836.072.582</u>

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.276.654.039	6.695.234.044
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	835.428.345	1.987.493.903
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	50.746.885	530.785.550
Cổ tức được chia	952.001.000	2.252.677.700
Doanh thu hoạt động tài chính khác	91.795.542	260.332.435
	<u>6.206.625.811</u>	<u>11.726.523.632</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Chi phí lãi cho khoản ứng trước từ khách hàng	558.888.889	529.808.379
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.097.368.999	460.896.625
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	81.996.051
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(4.389.562.562)	3.682.225.538
Chiết khấu thanh toán	10.444.828.237	2.729.230.071
Chi phí khác	12.000.000	65.468.301
	<u>7.723.523.563</u>	<u>7.549.624.965</u>

28. LỖ KHÁC

	2013	2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.220.090.909	547.338.433
Khác	1.928.473.970	2.101.875.627
Thu nhập khác	<u>4.148.564.879</u>	<u>2.649.214.060</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	1.516.989.594	-
Trích khấu hao nhà máy Penicilin tại Bình Dương	4.288.989.245	-
Khác	810.411.922	4.113.068.026
Chi phí khác	<u>6.616.390.761</u>	<u>4.113.068.026</u>
Lỗ khác	<u>(2.467.825.882)</u>	<u>(1.463.853.966)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán trước khi trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	106.057.196.178	115.135.300.306
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	10.500.000.000	11.500.000.000
Lợi nhuận kế toán trước thuế	95.557.196.178	103.635.300.306
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	45.126.711.765	2.703.752.982
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(952.001.000)	(2.252.677.700)
Thu nhập chịu thuế	139.731.906.943	104.086.375.588
Trong đó:		
+ Thu nhập tính thuế từ HĐKD chính	138.490.381.943	104.086.375.588
+ Thu nhập tính thuế từ chuyển quyền sử dụng đất	1.241.525.000	-
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34.932.976.736	26.021.593.895
+ Thuế TNDN từ HĐKD chính	34.622.595.486	26.021.593.895
+ Thuế TNDN từ chuyển quyền sử dụng đất	310.381.250	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được tạm tính trong năm trên cơ sở các số liệu sau:

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế (VND)	60.624.219.442	77.613.706.411
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	60.624.219.442	77.613.706.411
Cổ phiếu bình quân gia quyền lưu hành trong năm	16.405.810	15.472.328
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.695	5.016

31. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	535.322.909	225.000.000

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	138.000.000	225.000.000

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền mà Công ty phải trả cho việc thuê mặt bằng kinh doanh hiệu thuốc của một số chi nhánh trên cả nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí đề ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/201
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	192.255.383.511	122.127.216.023
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.825.975.260	6.852.998.250
Phải thu khách hàng và phải thu khác	151.801.741.928	192.897.720.616
Các khoản ký quỹ	2.348.720.667	-
Đầu tư tài chính dài hạn	8.667.668.000	4.884.528.000
Tổng cộng	357.899.489.366	326.762.462.889
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	66.764.253.595	100.998.264.765
Chi phí phải trả	20.026.483.055	28.957.870.223
Các khoản nhận ký quỹ	300.000.000	400.000.000
Tổng cộng	87.090.736.650	130.356.134.988

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các chi phí bỏ ra để thực hiện các biện pháp phòng ngừa có thể cao hơn mức chi phí tiềm tàng do thay đổi tỷ giá và lãi suất của các công cụ tài chính này trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo****Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đô la Mỹ (USD)	28.098.771.883	9.731.258.785	45.689.234.804	83.578.444.396
Euro Châu Âu (EUR)	-	-	971.072.355	3.244.416.478

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Phân tích sau đây thể hiện độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Việt Nam đồng tăng/giảm 5% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng là 879.523.146 đồng (năm 2012: 3.692.359.281 đồng).

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn các khách hàng khác nhau chứ không tập trung vào một số khách hàng chính và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phí phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phí phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	192.255.383.511	-	192.255.383.511
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.825.975.260	-	2.825.975.260
Phải thu khách hàng và phải thu khác	151.801.741.928	-	151.801.741.928
Các khoản ký quỹ	2.348.720.667	-	2.348.720.667
Đầu tư tài chính dài hạn	8.667.668.000	-	8.667.668.000
Tổng cộng	357.899.489.366	-	357.899.489.366

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	61.667.253.595	5.097.000.000	66.764.253.595
Chi phí phải trả	20.026.483.055	-	20.026.483.055
Các khoản nhận ký quỹ	300.000.000	-	300.000.000
Tổng cộng	81.993.736.650	5.097.000.000	87.090.736.650

Chênh lệch thanh khoản thuần	275.905.752.716	(5.097.000.000)	270.808.752.716
-------------------------------------	------------------------	------------------------	------------------------

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.127.216.023	-	122.127.216.023
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.852.998.250	-	6.852.998.250
Phải thu khách hàng và phải thu khác	192.897.720.616	-	192.897.720.616
Các khoản ký quỹ	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	4.884.528.000	-	4.884.528.000
Tổng cộng	326.762.462.889	-	326.762.462.889

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	99.821.264.765	1.177.000.000	100.998.264.765
Chi phí phải trả	28.957.870.223	-	28.957.870.223
Các khoản nhận ký quỹ	400.000.000	-	400.000.000
Tổng cộng	129.179.134.988	1.177.000.000	130.356.134.988

Chênh lệch thanh khoản thuần	197.583.327.901	(1.177.000.000)	196.406.327.901
-------------------------------------	------------------------	------------------------	------------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IMEXPHARMSố 4, Đường 30/4, Thành phố Cao Lãnh
Tỉnh Đồng Tháp, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược Spharm	Công ty liên kết

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu		
Công ty TNHH Dược Phẩm Gia Đại	6.944.814.539	6.944.814.539
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	747.884.064	34.650.000
Công ty Cổ phần Dược Spharm	-	-
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	-	1.177.644.252


Giao dịch trong kỳ chủ yếu với các bên liên quan như sau:


	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	11.954.183.471	1.108.669.951
Công ty Cổ phần Dược Spharm	182.995.021	-
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm	11.028.655.155	525.556.500
Công ty Cổ phần Dược Spharm	951.302.100	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, các khoản thưởng và phúc lợi khác	8.200.000.000	9.949.982.700


 Trần Hoài Hạnh
 Người lập biểu


 Phan Hoàng Minh Trí
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Quốc Định
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2014